

Số: /2022 /NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 117/BC-VHXX ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập).

b) Trẻ em học mầm non, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục công lập.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Điều 2. Các khoản thu và mức thu

STT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu		
			Các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Châu Đức	Thành phố Bà Rịa	Thành phố Vũng Tàu, thị xã Phú Mỹ, huyện Côn Đảo
1	Dịch vụ phục vụ tổ chức các lớp học bán trú				
a)	Giáo dục mầm non				
	Tiền ăn của trẻ học bán trú (sáng, trưa, xế)	đồng/ngày/trẻ	26.000	31.000	31.000
	Đồ dùng bán trú	đồng/năm học/trẻ	160.000	160.000	160.000
b)	Giáo dục tiểu học				
	Tiền ăn của học sinh ở các lớp bán trú trường tổ chức nấu (trưa, xế)	đồng/suất/học sinh	27.000	28.000	28.000
	Tiền ăn của học sinh ở các lớp bán trú thuê đơn vị bên ngoài nấu (trưa, xế)	đồng/suất/học sinh	35.000	35.000	35.000

STT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu		
			Các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Châu Đức	Thành phố Bà Rịa	Thành phố Vũng Tàu, thị xã Phú Mỹ, huyện Côn Đảo
	Đồ dùng bán trú	đồng/năm học/học sinh	200.000	200.000	200.000
	Phục vụ bán trú cho học sinh	đồng/tháng/học sinh	200.000	218.000	237.000
2	Dịch vụ phục vụ ngoài giờ học chính khóa				
a)	Giáo dục mầm non				
	Giữ trẻ mầm non ngoài giờ chính khóa	đồng/giờ/trẻ	7.000	8.000	8.000
	Học tiếng Anh với giáo viên là người bản ngữ	đồng/tiết/trẻ	20.000	20.000	20.000
	Học tiếng Anh với giáo viên là người Việt Nam hoặc người nước ngoài	đồng/tiết/trẻ	10.000	10.000	10.000
b)	Giáo dục tiểu học (học sinh lớp 1 và lớp 2)				
	Học tiếng Anh với giáo viên là người bản ngữ	đồng/tiết/học sinh	25.000	25.000	25.000
	Học tiếng Anh với giáo viên là người Việt Nam hoặc người nước ngoài	đồng/tiết/học sinh	11.000	11.000	11.000
3	Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho học sinh				
a)	Giáo dục mầm non				
	Vệ sinh trường lớp	đồng/tháng/học sinh	28.000	32.000	36.000
b)	Giáo dục Tiểu học				
	Vệ sinh trường lớp	đồng/tháng/học sinh	10.000	12.000	13.000

STT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu		
			Các huyện: Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Châu Đức	Thành phố Bà Rịa	Thành phố Vũng Tàu, thị xã Phú Mỹ, huyện Côn Đảo
	Giấy thi, giấy nháp phục vụ kiểm tra tập trung	đồng/năm học/học sinh	18.000	18.000	18.000
c)	Giáo dục Trung học cơ sở				
	Vệ sinh trường lớp	đồng/tháng/học sinh	10.000	12.000	13.000
	Giấy thi, giấy nháp phục vụ kiểm tra tập trung	đồng/năm học/học sinh	36.000	36.000	36.000
d)	Giáo dục Trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên				
	Vệ sinh trường lớp	đồng/tháng/học sinh	8.000	9.000	10.000
	Giấy thi, giấy nháp phục vụ kiểm tra tập trung	đồng/năm học/học sinh	64.000	64.000	64.000

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Hằng năm, căn cứ vào các khoản thu, mức thu theo quy định tại Nghị quyết này, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch thu, chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục. Tùy theo tình hình thực tế của từng đơn vị, các cơ sở giáo dục có thể xác định mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong kế hoạch thu, chi thấp hơn mức thu được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này trên cơ sở thỏa thuận với phụ huynh học sinh.

2. Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải đảm bảo công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích và đạt hiệu quả theo kế hoạch thu, chi.

3. Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chỉ được thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được quy định

tại Điều 2 Nghị quyết này và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác nếu có.

4. Hạch toán đầy đủ các khoản thu, nội dung chi vào hệ thống tài khoản, sổ sách kế toán theo chế độ kế toán hiện hành. Chứng từ thu, chi lưu trữ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

5. Đến cuối năm học, nếu không chi hết số tiền thu được trong năm học từ các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục thì nhà trường sẽ trả lại số tiền còn dư cho cha mẹ học sinh.

6. Thời gian thu

a) Thu vào đầu năm học đối với các khoản thu: đồ dùng bán trú; giấy thi, giấy nhập phục vụ kiểm tra tập trung.

b) Thu vào đầu tháng đối với các khoản thu còn lại.

c) Thu theo thời gian thực tế học nhưng không quá 09 tháng/năm học.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 16 tháng 9 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PT - TH tỉnh;
- Lưu: VT, SGDDĐT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Phạm Viết Thanh